

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÍ LINH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 9 - 2021

*"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn"*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Kim Giang

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Vũ Thị Linh

2. Bà Nguyễn Thị Mai

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Luyện - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên tòa:**  
Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/8/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1985;

Nơi ĐKKHTT: KDC T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương;

Nơi ở hiện nay: Số 2 T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Vũ Trung T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: KDC B, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

\* Người làm chứng:

1. Bà Trần Thị L1, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Số 2 T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bà An Thị Đ, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Khu dân cư B, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chị L, anh T, bà Đ có mặt; bà L1 vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 09/7/2021, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, chị Nguyễn Thị Cẩm L trình bày: Chị và anh Vũ Trung T chung sống với

nhau từ năm 2016 tại nhà riêng của anh T ở khu dân cư Bích Động - Tân Tiến, phường Cộng Hòa. Ngày 24/10/2017, sau khi chị có thai và sinh con thì vợ chồng mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu, hay say sấn, chửi bới, đập phá đồ đạc và đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà nhiều lần. Tháng 4/2018, vợ chồng mâu thuẫn, chị đã đưa con về nhà mẹ đẻ ở. Anh T sau đó có sang ở cùng. Tháng 6/2018, vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn do anh T có lời lẽ chửi bới, xúc phạm đến mẹ đẻ chị. Do vậy, chị và mẹ chị đã không cho anh T tiếp tục ở cùng nữa. Vợ chồng chính thức sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau từ đó đến nay. Sau đó, anh T thường xuyên uống rượu và đến chửi bới, xúc phạm chị và mẹ đẻ chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Bảo C, sinh ngày 04/10/2017. Hiện tại, con chung đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị mỗi tháng là 1.000.000đ, kể từ tháng 9/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Lý do chị xin được nuôi con vì: Cháu Châu còn quá nhỏ lại là con gái ở với mẹ sẽ tốt hơn ở với bố; Hiện tại, chị đang làm công nhân tại Công ty T, thu nhập bình quân khoảng 6.000.000đ/tháng; chị ở cùng với mẹ là bà Trần Thị L1, có nhà ở rộng rãi; mẹ chị cũng tạo điều kiện hỗ trợ chị về chỗ ở cũng như giúp chị chăm sóc con trong thời gian chị đi làm. Nhà mẹ chị cũng gần trường mầm non S, thuận lợi cho việc cháu đi học. Theo chị L, chị có đủ khả năng để chăm sóc tốt cho con. Chị yêu cầu anh T phải có trách nhiệm nuôi con vì anh T hiện tại vẫn khỏe mạnh và đi làm có thu nhập nên phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng với chị. Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Anh T trình bày thống nhất nội dung về thời gian, điều kiện kết hôn như lời khai của chị L. Anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị L ở nhà trông con nhưng không làm việc nhà, không rửa bát, nấu cơm khi anh đi làm. Anh có khuyên bảo chị L nhiều lần nhưng chị L không nghe nên vợ chồng thường hay xảy ra cãi nhau. Trong lúc nóng giận, anh có nói đuổi chị L. Đến tháng 4/2018, chị L nói muốn đi làm ngoài chợ và bảo gửi con nhờ bà ngoại trông, anh đã đồng ý. Sau đó, chị L đã ở hẳn tại nhà mẹ đẻ. Anh có ra ở cùng nhưng giữa anh và phía mẹ đẻ chị L thường xảy ra cãi nhau nên anh về nhà anh tại khu dân cư Bích Động Tân Tiến ở từ tháng 6/2018. Anh bảo chị L đưa con về ở cùng nhưng chị L không về. Vợ chồng sống

ly thân từ đó đến nay. Anh cũng xác định anh làm thợ hàn xì nên khi hoàn thành công trình, chủ nhà thường mời cơm nên anh uống rượu chứ anh không say sỉ. Nay chị L xin ly hôn, anh xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được, do vậy, anh cũng nhất trí ly hôn. Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị L trình bày. Hiện tại, con chung đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn quan điểm của anh là đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Lý do anh đề nghị được nuôi con chung vì anh có nhà riêng, hiện tại anh đang làm chủ xưởng cơ khí, hàn xì ở khu dân cư B, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 10.000.000đ; xung quanh nhà anh có mẹ kế và hai em trai anh ở nên có thể hỗ trợ anh việc chăm sóc con khi anh đi làm; nhà anh cũng gần trường mầm non C; anh là đảng viên 20 năm tuổi đảng, có tư cách đạo đức tốt. Anh hoàn toàn có đủ điều kiện và khả năng để chăm sóc tốt cho con. Về quan hệ tài sản chung: Anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Bà Nguyễn Thị L1 là mẹ đẻ chị L trình bày xác định: Trong thời gian chị L và anh T sống chung, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh T thường xuyên uống rượu bia, không chịu tu chí làm ăn và không quan tâm đến vợ con mà thường hay chửi bới xúc phạm đến chị L. Khi chị L đi viện, anh T cũng không quan tâm, không lo tiền viện phí, không chăm con. Năm 2018, anh T, chị L và con đến ở tại nhà bà, nhưng do bất đồng trong cách ứng xử, sinh hoạt nên bà không cho anh T ở nữa. Kể từ đó anh T thường xuyên đến nhà bà chửi bới, gây sự. Nay chị L xin ly hôn anh T, quan điểm của bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Về con chung: Bà L1 xác định vợ chồng có 01 con chung như chị L trình bày. Nếu vợ chồng ly hôn, theo bà Liên nên giao con Vũ Bảo C cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng vì cháu còn nhỏ và do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay. Bà sẽ hỗ trợ chị L cả về kinh tế, thời gian và chỗ ở để chị L chăm sóc tốt nhất cho con.

- Bà An Thị Đ là mẹ kế anh T trình bày xác định: Quá trình chung sống, vợ chồng chị L, anh T hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị L không có việc làm, không có thu nhập nhưng không quan tâm đến việc nấu cơm, dọn dẹp nhà cửa và lo toan, vun vén cho gia đình. Anh T đi làm về không có cơm nên nhiều lần vợ chồng xảy ra cãi nhau và có đuổi chị L ra khỏi nhà. Năm 2018, chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Nay chị L xin ly hôn anh T quan điểm của bà là vợ chồng ở được với nhau hay không do vợ chồng tự quyết định. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị L trình bày. Nếu tòa án giao con cho anh T nuôi dưỡng, bà sẽ tạo điều kiện hỗ trợ để anh T có thể chăm sóc tốt nhất cho con.

- Tại biên bản xác minh ngày 17/8/2021, khu dân cư B cung cấp: Anh T và chị L kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới anh chị về chung sống tại nhà anh T. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là gì thì khu dân cư không nắm được. Chỉ biết là sau đó chị L đã không còn chung sống với anh T mà về nhà mẹ đẻ ở. Hiện tại, vợ chồng đang sống ly thân. Nay chị L xin ly hôn, quan điểm của địa phương là đề nghị tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, hiện tại chị L đang nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, quan điểm của khu dân cư là nên tiếp tục giao cháu Vũ Bảo C cho chị L nuôi dưỡng sẽ tốt cho cháu hơn vì: Hiện tại cháu còn nhỏ và là con gái, hiện tại vẫn đang do mẹ nuôi. Anh T làm cơ khí, bố là liệt sỹ, mẹ đẻ đang sinh sống trong miền nam, có mẹ kế là bà Đ ở gần nhà nhưng có 04 cháu nội nên nếu anh T được nuôi con thì bà Đ cũng không có nhiều thời gian để hỗ trợ anh T trông nom chăm sóc con. Ngoài ra, anh T cũng hay uống rượu bia.

- Tại biên bản xác minh ngày 19/8/2021, khu dân cư T cung cấp: Chị L đã đưa con về ở với mẹ đẻ là bà L1 được vài năm. Khoảng tháng 12/2020, khu dân cư nhận được tin báo về việc anh T đến nhà bà Liên gây sự nhưng khi đến nơi thì anh T không còn ở đó. Chị L hiện tại đang nuôi con chung của vợ chồng là Vũ Bảo C. Cháu Châu khỏe mạnh, được chị L chăm sóc tốt. Chị L chịu khó làm ăn; cháu Châu và chị L ở cùng nhà với bà L1, nhà cửa rộng rãi, nên theo khu dân cư thì chị L có đủ điều kiện để chăm sóc tốt cho con.

Tại phiên tòa:

Chị L, anh T trình bày giữ nguyên quan điểm như trình bày nêu trên.

Bà Đ xác định lại quan điểm là nếu vợ chồng chị L, anh T ly hôn thì vợ chồng tự lo chăm sóc cho con vì hiện tại bà đã già, yếu không đủ sức khỏe để trông nom con giúp được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân: Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh

Vũ Trung T. Về quan hệ con chung: Xử: Giao con chung Vũ Bảo C, sinh ngày 04/10/2017 cho chị Nguyễn Thị Cẩm L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T có nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung với chị L mỗi tháng là 1.000.000đ, kể từ tháng 9/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Vũ Trung T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm L phải nộp 75.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Anh T phải nộp 75.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh T cư trú tại khu dân cư B, phường C, thành phố C. Chị L khởi kiện xin ly hôn anh T và đề nghị giải quyết về việc nuôi con chung. Do vậy, đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh thụ lý giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T kết hôn với nhau ngày 24/10/2017 trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C. Do vậy, hôn nhân của chị L, anh T là hợp pháp. Năm 2018, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong công việc cũng như cách ứng xử trong gia đình, dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm, xô xát. Từ tháng 6/2018, vợ chồng chính thức sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị L, anh T không sống chung, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa, chị L và anh T đều thống nhất xác định vợ chồng không thể về đoàn tụ và đề nghị tòa án giải quyết cho ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh T.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Bảo C, sinh ngày 04/10/2017. Cả chị L và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con. Xét về điều kiện kinh tế, thu nhập và chỗ ở: Chị L và anh T đều đảm bảo có công việc, thu nhập, chỗ ở, đủ khả năng để nuôi dưỡng cho con. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của các bên cũng như các tài liệu, chứng cứ thu thập, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu C hiện tại còn nhỏ, là con gái và đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay. Cháu vẫn khỏe mạnh và phát triển tốt. Anh T hay uống rượu, bia và cũng không có sự hỗ trợ, giúp đỡ của gia đình nếu được nuôi con. Do vậy, để đảm bảo tính ổn định cũng như điều kiện phát triển tốt nhất của con chung, cần căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận theo yêu cầu của chị L về việc giao con chung Vũ Bảo C cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh T không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị L. Hiện nay, mức lương cơ sở là 1.490.000đ/tháng, căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của anh T, chị L và nhu cầu thiết yếu của con chung là Vũ Bảo C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị L yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị là 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 9/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định Điều 82, Điều 83, Điều 110, khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về quan hệ tài sản: Chị L, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Trước khi mở phiên tòa chị L và anh T thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 25% mức án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Anh Vũ Trung T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm

a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Vũ Trung T.

2. Về quan hệ con chung: Xử: Giao con chung Vũ Bảo C, sinh ngày 04/10/2017 cho chị Nguyễn Thị Cẩm L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T có nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung với chị L mỗi tháng là 1.000.000đ, kể từ tháng 9/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Vũ Trung T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm L phải nộp 75.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị L đã nộp theo biên lai thu số: AA/2018/0002967 ngày 20/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Trả lại chị L 225.000đ.

Anh T phải nộp 75.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường C (Để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Kim Giang**

